

Bản án số: **04/2021/HS-ST**

Ngày: 20/12/2021

**NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bà Trần Thị Bé

Các Hội Thẩm nhân dân

Ông Nguyễn Đức Nhơn

Ông Võ Thanh Lợi

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Việt Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:*

Ông Nguyễn Huy Bình – Kiểm sát viên.

Bà Hà Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đặng Thành T**, sinh ngày: 30/11/1995 tại tỉnh Đắk Lắk; trú tại: Thôn 6, xã ED, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Đ và bà Nguyễn Thị C; vợ, con: Chưa có; tiền sự: không;

Tiền án: 01 tiền án: Bản án số 656/2019/HS-PT ngày 30/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20/12/2018 đến ngày 28/12/2018; bị cáo chưa chấp hành án.

Nhân thân: Bản án số 08/2021/HS-ST ngày 06/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo 36 tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, tổng hợp hình phạt của bản án số 656/2019/HS-PT ngày 30/8/2019 buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 54 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/5/2020, (được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20/12/2018 đến ngày 28/12/2018 của bản án 656/2019/HS-PT).

Bị cáo đang giam, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Tấn T**; sinh ngày: 03/6/1995 tại tỉnh Đắk Lắk; trú tại: Tổ 3, phường AB, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn C và bà Nguyễn Thị B; vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 08/2021/HS-ST ngày 06/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo 28 tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/5/2020.

Bị cáo đang giam, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Lê Ngọc Q**; sinh ngày: 11/5/1996 tại tỉnh Đắk Lắk; trú tại: Tổ 6, phường AL, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị L; vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 08/2021/HS-ST ngày 06/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/5/2020.

Bị cáo đang giam, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Hoàng Minh T**; sinh ngày: 10/3/1993 tại tỉnh Đắk Lắk; trú tại: Tổ 6, phường ĐH, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Minh S và bà Trần Thị H; vợ: Lê Thị Hồng A, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/9/2020 đến ngày 13/02/2021 thay thế biện pháp ngăn chặn; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Họ và tên: **Nguyễn Văn R**; sinh ngày: 22/4/1992 tại tỉnh Đắk Lắk; trú tại: Tổ 5, phường ĐH, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị H; Vợ: Nguyễn Thị Thùy T; con: Có 02 con, sinh năm 2010 và 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 11/3/2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Đã chấp hành xong và được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/9/2020 đến ngày 19/02/2021 thay thế biện pháp ngăn chặn; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Phạm Thị Thu T, sinh năm 1972;

Trú tại: 22/XX LL, phường CL, TPQN, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Anh Lê Trung T, sinh năm 1994;

Trú tại: Ấp BC, xã BT, huyện TB, tỉnh Sóc Trăng.

3. Anh Nguyễn H, sinh năm: 1995;
HKTT: thôn NT, xã GM, huyện GL, tỉnh Quảng Trị.
Chỗ ở hiện nay: Số 04, ĐX X, Tổ 3, Khu phố 2, phường PM, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.
4. Anh Ngô Văn V, sinh năm: 1993;
HKTT: Đội 4, Thôn 2, xã QĐ, huyện KA, tỉnh Đắk Lắk.
Chỗ ở hiện nay: Phường 15, quận TB, thành phố Hồ Chí Minh.
5. Anh Phạm Phú H, sinh năm: 1990;
Trú tại: thôn Tiến Cường, xã Quảng Tiến, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.
6. Anh Trần Đình X, sinh năm: 1994;
Trú tại: Thôn 6, xã Cư Né, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.
7. Anh Lê Đào Vĩnh N, sinh năm: 1989;
Trú tại: Thôn Bình Hòa 1A, xã Bình Thuận, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk.
8. Anh Thái Xuân S, sinh năm: 1993;
Trú tại: TDP 2, phường AL, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk.
9. Anh Bùi Anh D, sinh năm: 1991;
Trú tại: TDP 7, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
10. Anh Phan Văn H, sinh năm: 1993;
Trú tại: Thôn 8, xã Cư ÊBur, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
11. Anh Đặng Thanh H, sinh năm: 1998;
Trú tại: Thôn 3, xã Hòa Khánh, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
12. Anh Bùi Thanh V, sinh năm: 1994;
Trú tại: Tổ 5, thôn Khánh Thành Nam, xã Suối Cát, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
13. Anh Nguyễn Xuân S, sinh năm: 1993;
Trú tại: Thôn 8, xã Diên Hòa, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.
14. Anh Nguyễn Xuân C, sinh năm: 1990;
Trú tại: Thôn 2, xã Ia Ko, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.
15. Anh Nguyễn Trần L, sinh năm: 1994;
Trú tại: 137/10 Phan Huy Chú, phường Khánh Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
16. Anh Bùi Sĩ H, sinh năm: 1991;
Trú tại: Thôn 12, xã Ea Ktur, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.
17. Anh Nguyễn Minh N, sinh năm 1989;
Trú tại: Số 01/02 Huỳnh Thiên Lộc, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.
18. Anh Trần Quốc V, sinh năm 1999;
Trú tại: thôn Hanh Cát 2, xã Yên Lạc, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.
19. Anh Lê Quang V, sinh năm 1995;
Trú tại: 102/239 Lê Lai, phường Lê Lợi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng.

20. Anh Cao Thành N, sinh năm 1990;
Trú tại: xóm Biển Trên A, phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.
21. Anh Lê Công T, sinh năm: 1995;
Trú tại: TDP 8, phường AL, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk.
22. Anh Hồ Quốc Q, sinh năm: 1993;
Trú tại: ấp Vĩnh Tiến, thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.
23. Anh Đặng Thành D, sinh năm: 1992;
Trú tại: Thôn 6, xã ED, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk.
Tất cả người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quá trình điều tra vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, xác định được: Một số tài khoản ngân hàng mà các đối tượng lừa đảo sử dụng để chuyển tiền là do các đối tượng khác sử dụng chứng minh nhân dân (CMND) có ảnh giả không đúng với CMND do cơ quan có thẩm Q cấp để mở các tài khoản ngân hàng, cụ thể như sau:

Lúc 14 giờ 58 phút ngày 13/01/2020, bà Phạm Thị Thu T (sinh 1972, trú tại số nhà 22/XX LL, TPQN, tỉnh Quảng Ngãi) đang làm việc tại cơ quan thì điện thoại bàn số 0255.3722218 nhận cuộc gọi từ một người nam giới nói giọng miền Bắc, nội dung thông báo bà T có Công văn của Công an thành phố Hồ Chí Minh rồi chuyển máy cho người đàn ông tự xưng tên D (cũng nói giọng miền Bắc), công tác tại Phòng Cảnh sát kinh tế Công an thành phố Hồ Chí Minh, thông báo bà T có liên quan đến đường dây rửa tiền, yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân và các tài khoản ngân hàng để xác minh, nếu không sẽ bị bắt giam. Sau khi bà T cung cấp số điện thoại di động 0914.156.468 của mình đang sử dụng thì đối tượng này thực hiện cuộc gọi qua internet (VOIP) với đầu số +9990283113 yêu cầu bà T hợp tác để làm rõ đường dây rửa tiền và không được tiết lộ cho ai khác biết. Sau đó, các đối tượng sử dụng tài khoản Zalo “Lê Tuấn D”, “Nguyễn Hải Trâm” chủ động kết bạn với bà T qua Zalo “Thuthuydukdn” để nhắn tin, gọi điện; trong đó tài khoản Zalo “Nguyễn Hải Trâm” do đối tượng nữ giới, nói giọng miền Bắc sử dụng, tự xưng tên Trâm, công tác tại Viện kiểm sát nhân dân tối cao yêu cầu bà T nộp tiền vào 06 tài khoản. Do lo sợ bị bắt giam, từ ngày 14/01/2020 đến 17/01/2020, bà Phạm Thị Thu T đã nhiều lần chuyển số tiền 5.860.600.000 đồng vào 06 tài khoản ngân hàng sau:

1. Số tài khoản 18453821995, tên Nguyễn H, số tiền: 3.510.600.000 đồng;
2. Số tài khoản 1730112312240001, tên Nguyễn Minh N, số tiền: 1.080.000.000 đồng;

3. Số tài khoản 16840770001, tên Lê Trung T, số tiền: 450.000.000 đồng;
4. Số tài khoản 17145910001, tên Cao Thành N, số tiền: 520.000.000 đồng.
Cả 04 tài khoản này đều mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn (SCB);
5. Số tài khoản 103870393710, tên Lê Quang V, số tiền: 100.000.000 đồng;
6. Số tài khoản 102870157426, tên Trần Quốc V, số tiền: 200.000.000 đồng.
Cả 02 tài khoản này đều mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (Vietinbank).

Ngay sau khi bà T chuyển tiền vào 06 tài khoản nêu trên, các đối tượng lừa đảo chuyển tiếp tiền vào 05 tài khoản ngân hàng:

1. Số 3080104134003 (Nguyễn Xuân C - Ngân hàng MB Đà Nẵng).
2. Số 100210101000964 (Nguyễn Xuân C - Ngân hàng Eximbank Đà Nẵng).
3. Số 18454251991 (Bùi Sĩ H - Ngân hàng SCB Đà Nẵng).
4. Số 161110301000247 (Bùi Sĩ H - Ngân hàng Eximbank Hùng Vương, Đà Nẵng).
5. Số 18051880001 (Nguyễn Trần L - Ngân hàng SCB Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh).

Tiếp đến, các đối tượng lừa đảo chuyển số tiền chiếm đoạt của bà T đến 03 tài khoản ngân hàng Techcombank đều do Khúc Thị Thùy Dương (sinh ngày 15/9/1988, ở tổ 3, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai) sử dụng là: Tài khoản số 19025290542999 tên Khúc Thị Thùy Dương; tài khoản số 19020200755016 tên Phùng Đức Hoan; tài khoản số 19022434409998 tên Nguyễn Tiến Đại. Và tài khoản Techcombank số 19031984505667 do Phạm Thị Hảo (sinh ngày 19/10/1986, ở thôn 10, xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh) là chủ tài khoản.

Sau đó, Khúc Thị Thùy Dương và Phạm Thị Hảo quy đổi từ tiền Việt Nam đồng trong các tài khoản ngân hàng sang Nhân dân tệ tại chợ đổi tiền ở cửa khẩu Quốc tế Lào Cai, cửa khẩu Quốc tế Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh và chuyển khoản vào các tài khoản ngân hàng ở Trung Quốc theo yêu cầu của đối tượng lừa đảo. Trong đó, số tiền của bà T chuyển đến các tài khoản ngân hàng của Khúc Thị Thùy Dương là 4.847.284.000 đồng và đến tài khoản ngân hàng của Phạm Thị Hảo là 945.765.000 đồng. Biết mình bị lừa nên bà Phạm Thị Thu T đã kịp thời hủy giao dịch và thu hồi được 50.000.000 đồng vào ngày 18/01/2020; còn bị chiếm đoạt 5.793.049.000 đồng.

Kết quả điều tra vụ án Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức:

Vào năm 2015, Hồ Quốc Q và Đặng Thành D đều đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nên quen biết làm bạn với nhau. Thời gian lao động ở Đài Loan, Q có quen biết với Chen Feng H (sinh ngày 08/9/1985; Quốc tịch: Đài Loan; số hộ chiếu: 314564054 - còn gọi là Xoài hay A Xoài), đến đầu năm 2018 Q và D về Việt Nam.

Cuối năm 2018, khi Chen Feng H sang Việt Nam thì Q giới thiệu Chen Feng H với D tại một khách sạn ở Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh; sau đó, D giới thiệu và đưa số điện thoại của Chen Feng H cho Đặng Thành T để tiện liên lạc.

Từ tháng 10-2018 đến đầu năm 2019, theo yêu cầu của Chen Feng H, Q thuê D và T trực tiếp đi mở khoảng 40 tài khoản ngân hàng sau đó đưa cho Chen; Chen trả công cho Q 1.000.000 đồng/tài khoản, Q trả cho D và T mỗi người 250.000 đồng/tài khoản.

Đến tháng 4-2019, Chen liên lạc và đề nghị D đi mở các T3 khoản ngân hàng có đăng ký internet banking và sẽ trả công từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng/01 T3 khoản thì được D đồng ý. Sau đó D và T thuê nhiều người khác đi mở khoảng 40 - 50 T3 khoản ngân hàng chuyển cho Chen Feng H để lấy tiền công như thỏa thuận.

Tháng 5-2019, D cùng T, Q sử dụng ma túy đá tại Khách sạn Bãi Sậy, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh thì bị Công an Quận 6 kiểm tra, bắt giữ. D bị khởi tố về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và bị tuyên phạt 30 tháng tù giam; còn T và Q bị đưa đi cai nghiện bắt buộc.

Đến khoảng tháng 7-2019, Đặng Thành T được ra khỏi trại cai nghiện, do cần tiền tiêu xài cá nhân, T dùng T3 khoản Zalo tên “Bá Đạo” liên lạc với Chen Feng H qua 02 T3 khoản Zalo là: “Bành Thị Xoài”, “Vây là tốt rồi” và được Chen Feng H yêu cầu đi mở các T3 khoản ngân hàng như trước đây; mỗi T3 khoản ngân hàng mở thành công có đăng ký internet banking, Chen Feng H trả công cho T từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng.

Sau đó, T rủ Lê Ngọc Q, Nguyễn Tấn T và Kiên (chưa rõ nhân thân) tham gia. Khi đó, Q, T1, Kiên hỏi T mở T3 khoản ngân hàng để làm gì thì T trả lời mở T3 khoản để cho các đối tượng người nước ngoài chuyển tiền cá độ bóng đá và chơi game.

Để tránh bị cơ quan chức năng phát hiện và tìm được chủ T3 khoản, T đã hướng dẫn Q, T1, Kiên đi gom chứng minh nhân dân của người khác ở các nhà nghỉ, hiệu cầm đồ rồi về bóc ảnh trên CMND ra, thay ảnh chân dung của người trực tiếp đi mở T3 khoản vào, rồi dùng đồng xu 200 đồng hơi nóng ấn lên mép ảnh tạo dấu nổi, sau đó đem CMND đã được thay ảnh đi ép dẻo cùng sim điện thoại khuyến mại ra các ngân hàng mở T3 khoản có đăng ký internet banking.

Với thủ đoạn trên và để mở được nhiều T3 khoản, từ tháng 7-2019 đến tháng 12/2019, Q rủ thêm Lê Công T, Lê Anh (chưa rõ nhân thân, là bạn của Q); còn T1 rủ thêm Hoàng Minh T, Nguyễn Văn R cùng tham gia. Sau khi Kiên, Q, T1, Thái, Lê Anh, T3, Rô mở xong các T3 khoản ngân hàng thì Đặng Thành T liên lạc qua mạng xã hội Zalo với Chen Feng H và yêu cầu Q, T1 đi giao các sim điện thoại đã chuyển vùng quốc tế và đăng ký dịch vụ internet banking (mật khẩu truy cập là Abc12345) của các T3 khoản ngân hàng mở được cho người của Chen Feng H cử đến lấy tại thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương theo số điện thoại mà Chen Feng

H nhấn cho Toại. Đặng Thành T chi trả toàn bộ chi phí đi lại, ăn ở, mua sim điện thoại, CMND cho các lần đi mở T3 khoản và trả công cho Q, T1, Kiên, Thái, Lê Anh, T3, Rô mỗi người từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng/01 T3 khoản ngân hàng mở được.

Tổng cộng, T đã thuê Q, T1, Kiên, Thái, Lê Anh, T3, Rô đi mở T3 khoản ngân hàng cho T 04 lần, T được hưởng lợi và trả công cho mỗi người cụ thể như sau:

- Lần 1: Đầu tháng 8-2019, T mua 08 CMND của người khác tại các nhà nghỉ, hiệu cầm đồ ở thành phố Buôn Ma Thuột và 20 sim điện thoại khuyến mãi, sau đó chụp nhiều ảnh chân dung của Kiên rồi đưa cho Kiên: 08 CMND (trong đó 05 CMND có dán ảnh của Kiên và 03 CMND đã bóc ảnh sẵn), 01 thẻ ATM (không rõ số T3 khoản) và 20 sim điện thoại rồi bảo Q, T1, Kiên ra Hà Nội mở T3 khoản. Theo yêu cầu của T, Q, T1, Kiên đi xe khách đến thành phố Hồ Chí Minh rồi đi máy bay ra Hà Nội. Khi đến Hà Nội, Q, T1, Kiên thuê nhà nghỉ tại khu vực đường Duy Tân, quận cầu Giấy; tại đây, Kiên đưa cho Q 02 CMND, T1 01 CMND để Q, T1 làm giả các CMND như T đã hướng dẫn. Sau đó, Q, T1, Kiên dùng CMND giả và sim điện thoại khuyến mãi chuẩn bị từ trước đến các ngân hàng trên địa bàn thành phố Hà Nội để mở T3 khoản. Q mở được 02 T3 khoản; T1 và Kiên mỗi người mở được 04 T3 khoản. Sau khi mở được T3 khoản thì Q đi máy bay vào thành phố Hồ Chí Minh giao các sim điện thoại đăng ký internet banking và 10 T3 khoản ngân hàng này cho người nam (không rõ lai lịch) do Chen Feng H cử đến lấy. Chen Feng H chuyển cho T 40.000.000 đồng vào T3 khoản ngân hàng ACB (là T3 khoản mà T thuê người khác mở để sử dụng nên không nhớ số T3 khoản). T trả công cho Q 3.000.000 đồng, Kiên 6.000.000 đồng, T1 4.000.000 đồng; T được hưởng lợi 15.000.000 đồng.

- Lần 2: Vào cuối tháng 11-2019, T tiếp tục bảo Q, T1 đến thành phố Hồ Chí Minh mở T3 khoản ngân hàng cho Toại; Q rủ thêm Thái, Lê Anh (đều không rõ lai lịch). Trước khi đến thành phố Hồ Chí Minh, Q chở T1 đi mua CMND của người khác tại các nhà nghỉ, hiệu cầm đồ ở thành phố Buôn Ma Thuột với giá từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng/cái và mua sim điện thoại khuyến mãi ở các cửa hàng điện thoại di động. Đến thành phố Hồ Chí Minh, Q, T1, Thái, Lê Anh thuê nhà nghỉ ở quận Gò Vấp; tại đây, Q, T1 bóc ảnh trong các CMND đã mua ra và dán ảnh chân dung của Q, T1, Thái, Lê Anh. Sau đó, Q, T1, Thái, Lê Anh dùng CMND giả và sim điện thoại khuyến mãi trên đi đến các ngân hàng ở địa bàn thành phố Hồ Chí Minh mở 15 T3 khoản tại các ngân hàng MB, SCB, Vietinbank, Eximbank. Cụ thể, Q mở được 03 T3 khoản; T1, Lê Anh mỗi người mở được 04 T3 khoản, Thái cũng mở 04 T3 khoản (đều đăng ký từ 02 CMND tên Trần Duy Nam và Hà Quốc D, sau đó Thái đưa lại 02 CMND này cho Q). Sau khi mở các T3 khoản ngân hàng và đăng ký internet banking thì Q giao cho người thanh niên đến nhận tại trước cổng nhà nghỉ ở quận Gò Vấp theo số điện thoại mà T nhấn cho Q. Chen Feng H chuyển cho

T 60.000.000 đồng vào T3 khoản ngân hàng ACB của Toại. Sau đó, T chuyển vào T3 khoản số 107869965493 (Vietinbank) của Lê Ngọc Q 16.500.000 đồng; Q rút ra trả công cho T1, Thái, Lê Anh mỗi người 4.000.000 đồng; Q hưởng lợi 4.500.000 đồng. T tự trừ 10.000.000 đồng đã chuyển trước cho Q để chi phí mua CMND, sim điện thoại, ăn ở, đi lại của Q, T1, Thái, Lê Anh, còn T được hưởng lợi 33.500.000 đồng.

- Lần 3: Vào đầu tháng 12-2019, T tiếp tục yêu cầu Q, T1, Thái mở T3 khoản ngân hàng. Để thực hiện, Q tự đi xe máy xuống thành phố Hồ Chí Minh trước và bảo T1, Thái mua thêm CMND ở các nhà nghỉ, hiệu cầm đồ ở thành phố Buôn Ma Thuột rồi đi xe khách xuống sau. Đến thành phố Hồ Chí Minh, Q, T1, Thái thuê nhà nghỉ ở quận Gò Vấp. Tại nhà nghỉ, Q, T1 bóc ảnh trong các CMND của người khác ra, dán ảnh chân dung của Q, T1, Thái vào, rồi cả ba sử dụng các CMND giả này và sim điện thoại khuyến mại đi mở T3 khoản.

Ngày 09/12/2019, trong lúc đang mở T3 khoản từ CMND giả thì Q bị Công an Quận 10 phát hiện, bắt giữ, sau đó yêu cầu đóng 06 T3 khoản ngân hàng đã mở được. Còn T1 mở được 03 T3 khoản, Thái mở được 02 T3 khoản (từ 02 CMND tên Trần Duy Nam và Hà Quốc D do Q đưa). T1 gom 05 sim thẻ điện thoại đăng ký internet banking của 05 T3 khoản giao cho người đến nhận (theo số điện thoại mà T nhấn) tại trước cổng nhà nghỉ ở quận Gò Vấp. Chen Feng H chuyển cho T 15.000.000 đồng, T nói mở T3 khoản lần này bị mất tiền nên T1 không lấy tiền công. T trả công cho Thái 2.000.000 đồng; trừ chi phí, T được hưởng lợi 5.000.000 đồng.

- Lần 4: Vào cuối tháng 12-2019, T1 rủ Hoàng Minh T và Nguyễn Văn R đi Đà Nẵng, Quảng Ngãi mở T3 khoản ngân hàng cho Toại. Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên T3 và R đồng ý tham gia. T1 bảo R, T3 đi chụp ảnh chân dung sau đó đưa lại cho T1. T1 và T3 đến thành phố Buôn Ma Thuột mua CMND của người khác ở các nhà nghỉ, hiệu cầm đồ với giá từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng/cái và sim điện thoại tại cửa hàng Viettel ở thị xã BH.

Từ ngày 25/12/2019 đến 28/12/2019, T1, T3 và R đi xe khách đến Đà Nẵng, Quảng Ngãi để mở T3 khoản. T1 đưa cho R và T3 mỗi người 03 CMND của người khác có dán ảnh chân dung của R và T3; còn T1 sử dụng 04 CMND của người khác có dán ảnh chân dung của mình. Sau đó, T1, T3, R sử dụng các CMND giả và sim điện thoại khuyến mãi đến các ngân hàng ở Đà Nẵng, Quảng Ngãi mở T3 khoản. T1 mở được 06 T3 khoản; R mở được 06 T3 khoản (có 01 T3 khoản R sử dụng CMND của mình) và T3 mở được 05 T3 khoản. Chiều ngày 28/12/2019, T1 gom các sim điện thoại đăng ký internet banking và 17 T3 khoản ngân hàng mở được chuyển theo xe khách Chín Nghĩa (Quảng Ngãi) vào thành phố Hồ Chí Minh, kèm số điện thoại của người nhận sim mà T nhấn cho T1. Chen Feng H chuyển tiền công cho T 51.000.000 đồng; T trả cho T1 số tiền 20.000.000 đồng; T1 trả tiền công

cho Rô 6.000.000 đồng và T3 5.000.000 đồng, còn T1 hưởng lợi 9.000.000 đồng. Sau khi trừ chi phí, T được hưởng lợi 21.000.000 đồng.

Như vậy, với thủ đoạn trên các bị can: T, T1, Q, T3, Rô và các đối tượng Lê Công T, Kiên, Lê Anh đã mở được tổng cộng: 47 T3 khoản ngân hàng, bị Cơ quan chức năng phát hiện yêu cầu đóng 06 T3 khoản, còn 41 T3 khoản.

Qua điều tra vụ án bà Phạm Thị Thu T bị đối tượng lừa đảo chiếm đoạt số tiền 5.793.049.000 đồng thì có 11 T3 khoản nhận tiền trực tiếp và dịch chuyển dòng tiền của bà T, trong đó có 07 T3 khoản do T1, T3 và Rô sử dụng CMND giả đi mở, cụ thể:

- Có 03 T3 khoản đều do Nguyễn Tấn T mở:
 - + T3 khoản số 103870393710 mang tên Lê Quang V (Vietinbank);
 - + T3 khoản số 18453821995 mang tên Nguyễn H (SCB);
 - + T3 khoản số 18051880001 mang tên Nguyễn Trần L (SCB).
- Có 02 T3 khoản do Hoàng Minh T mở:
 - + T3 khoản số 3080104134003 mang tên Nguyễn Xuân C (MB);
 - + T3 khoản số 100210101000964 mang tên Nguyễn Xuân C (Eximbank).
- Có 02 T3 khoản do Nguyễn Văn R mở:
 - + T3 khoản số 161110301000247 mang tên Bùi Sĩ H (Eximbank);
 - + T3 khoản số 18454251991 mang tên Bùi Sĩ H (SCB).

Quá trình điều tra, các bị can Đặng Thành T, Lê Ngọc Q, Nguyễn Tấn T, Hoàng Minh T và Nguyễn Văn R đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với các T3 liệu, chứng cứ thu thập được.

Kết quả xác minh 11 T3 khoản nhận tiền của bà T (Trong đó, 06 T3 khoản nhận tiền trực tiếp; 05 T3 khoản nhận dòng tiền dịch chuyển từ 06 T3 khoản ban đầu); 14 T3 khoản khác có liên quan thể hiện:

Tiến hành xác minh 06 T3 khoản nhận tiền trực tiếp ban đầu của bà Phạm Thị Thu T, cụ thể:

1. Chủ T3 khoản số 103870393710: Lê Quang V, sinh ngày 08/8/1995; HKTT: Số 77/161 Cẩm Gia Viên, Ngô Q, Hải Phòng; CMND số 031856533 do Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 17/9/2010; số điện thoại: 0376.392745. Nơi mở T3 khoản: Phòng giao dịch Hồ Gươm, Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Hoàn Kiếm (Hà Nội); ngày mở T3 khoản: 06/8/2019.

2. Chủ T3 khoản số 102870157426: Trần Quốc V, sinh ngày 08/01/1999, địa chỉ: Yên Lạc, Yên Định, Thanh Hóa; CCCD: 038099008058 cấp ngày 10/01/2017; số điện thoại: 0365.108915. Nơi mở T3 khoản: Phòng giao dịch Thanh Xuân Nam, Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Thanh Xuân (Hà Nội); ngày mở T3 khoản: 18/6/2019.

3. Chủ T3 khoản số 18453821995: Nguyễn H, sinh ngày 25/01/1995; HKTT: Trảng Rộng, Hải Thái, Gio Linh, Quảng Trị; CMND số 197346310 do Công an tỉnh Quảng Trị cấp ngày 24/5/2012; số điện thoại: 0865.069047. Nơi mở T3 khoản:

Phòng giao dịch Hòa Khê, Ngân hàng SCB chi nhánh Sông Hàn (Đà Nẵng); ngày mở T3 khoản: 26/12/2019.

4. Chủ T3 khoản số 1730112312240001: Nguyễn Minh N, sinh ngày 01/6/1989; HKTT: Số 01/02 Huỳnh Thiên Lộc, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh; CMND số 024712540 do Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/4/2007; số điện thoại: 0339.502725. Nơi mở T3 khoản: Phòng giao dịch Bàu Cát, Ngân hàng SCB chi nhánh Thống Nhất (thành phố Hồ Chí Minh); ngày mở T3 khoản: 10/10/2019.

5. Chủ T3 khoản số 16840770001: Lê Trung T, sinh ngày 31/8/1994; HKTT: Bình Chánh, Bình Thành, Thanh Bình, Đồng Tháp; CMND số 341730526 do Công an tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 26/6/2010; số điện thoại: 0389.201543. Nơi mở T3 khoản: Phòng giao dịch Tây Thạnh, Ngân hàng SCB chi nhánh Tân Bình (thành phố Hồ Chí Minh); ngày mở T3 khoản: 11/10/2019.

6. Chủ T3 khoản số 17145910001: Cao Thành N, sinh ngày 13/5/1990; HKTT: Biển Trên, phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; CMND số 365802953 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 23/9/2016; số điện thoại: 0348.424435. Nơi mở T3 khoản: Phòng giao dịch Quận 3, Ngân hàng SCB chi nhánh Phạm Ngọc Thạch (thành phố Hồ Chí Minh); ngày mở T3 khoản: 29/10/2019.

Cả 06 T3 khoản nêu trên đều thực hiện giao dịch chuyển khoản qua internet banking.

Tiến hành xác minh 05 T3 khoản nhận dòng tiền dịch chuyển từ 06 T3 khoản nhận tiền trực tiếp ban đầu của bà Phạm Thị Thu T, cụ thể:

1. Chủ T3 khoản số 3080104134003: Nguyễn Xuân C, sinh ngày 10/12/1990; HKTT: Ia Ko, Chư Sê, Gia Lai; CMND số 230904468 do Công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 05/7/2008; số điện thoại: 0394.207047. Nơi mở T3 khoản: Phòng giao dịch Lê Duẩn, Ngân hàng MB chi nhánh Đà Nẵng; ngày mở T3 khoản: 26/12/2019.

2. Chủ T3 khoản số 100210101000964: Nguyễn Xuân C, sinh ngày 10/12/1990; HKTT: Ia Ko, Chư Sê, Gia Lai; CMND số 230904468 do Công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 05/7/2008; số điện thoại: 0375.632947. Nơi mở T3 khoản: Ngân hàng Eximbank chi nhánh Đà Nẵng; ngày mở T3 khoản: 26/12/2019.

3. Chủ T3 khoản số 161110301000247: Bùi Sĩ H, sinh ngày 07/7/1991; HKTT: Ea Ktur, Krông Ana, Đắk Lắk; CMND số 241155782 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 02/02/2007; số điện thoại: 0398.279947. Nơi mở T3 khoản: Phòng giao dịch Điện Biên Phủ, Ngân hàng Eximbank chi nhánh Hùng Vương (Đà Nẵng); ngày mở T3 khoản: 26/12/2019.

4. Chủ T3 khoản số 18454251991: Bùi Sĩ H, sinh ngày 07/7/1991; HKTT: Ea Ktur, Krông Ana, Đắk Lắk; CMND số 241155782 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 02/02/2007; số điện thoại: 0392.438947. Nơi mở T3 khoản: Phòng giao dịch

Hòa Khê, Ngân hàng SCB chi nhánh Sông Hàn (Đà Nẵng); ngày mở T3 khoản: 26/12/2019.

5. Chủ T3 khoản số 18051880001: Nguyễn Trần L, sinh ngày 01/02/1994; HKTT: 137/10 - Phan Huy Chú, Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk; CMND số 241370628 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 12/11/2015; số điện thoại: 0945.903032. Nơi mở T3 khoản: Phòng giao dịch Nguyễn Anh Thủ, Ngân hàng SCB chi nhánh Hóc Môn (thành phố Hồ Chí Minh); ngày mở T3 khoản: 09/12/2019.

05 T3 khoản này đều thực hiện giao dịch chuyển khoản qua internet banking.

Xác minh T3 khoản đối ứng của 05 T3 khoản trên thẻ hiện:

- Xác minh T3 khoản đối ứng của T3 khoản số 18454251991 (Bùi Sĩ H):

Chủ T3 khoản số 18030981998: Đặng Thanh H, sinh năm 1998; HKTT: Hòa Khánh, Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk; CMND số 241671971; số điện thoại: 0944.316063. Nơi mở T3 khoản: Phòng giao dịch Hoàng Minh Giám, Ngân hàng SCB chi nhánh Gia Định (thành phố Hồ Chí Minh); ngày mở T3 khoản: 07/12/2019.

Tài khoản số 18030981998 (Đặng Thanh H) chỉ phát sinh 01 giao dịch nhận số tiền 200.000 đồng từ T3 khoản số 18454251991 (Bùi Sĩ H) chuyển đến vào ngày 10/02/2020.

- Xác minh các T3 khoản đối ứng của T3 khoản số 3080104134003 (Nguyễn Xuân C):

1. Chủ T3 khoản số 1000110567007: Nguyễn Xuân S, sinh ngày 14/01/1993; HKTT: Điện Hòa, Phong Điền, Thừa Thiên Huế; CMND số 191786969 do Công an tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 22/02/2013; số điện thoại: 0867.539828. Nơi mở T3 khoản: Phòng giao dịch Tân Hương, Ngân hàng MB thành phố Hồ Chí Minh; ngày mở T3 khoản: 23/11/2019.

2. Chủ T3 khoản số 3060106084002: Nguyễn H, sinh ngày 25/01/1995; HKTT: Trảng Rộng, Hải Thái, Gio Linh, Quảng Trị; CMND số 197346310 do Công an tỉnh Quảng Trị cấp ngày 24/5/2012; số điện thoại: 0378.695047. Nơi mở T3 khoản: Phòng giao dịch Sơn Trà, Ngân hàng MB chi nhánh Nam Đà Nẵng; ngày mở T3 khoản: 26/12/2019.

3. Chủ T3 khoản số 3070119356007: Phạm Phú H, sinh ngày 04/9/1990; HKTT: Pong Drang, Krông Búk, Đắk Lắk; CMND số 241196947 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 18/01/2013; số điện thoại: 0372.430947. Nơi mở T3 khoản: Ngân hàng MB chi nhánh Nam Đà Nẵng; ngày mở T3 khoản: 26/12/2019.

4. Chủ T3 khoản số 6520108733007: Bùi Thanh V, sinh ngày 10/01/1994; HKTT: Tổ 5, Khánh Thành Nam, Suối Cát, Cam Lâm, Khánh Hòa; CMND số 225752640 do Công an tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 23/3/2013; số điện thoại: 0394.768401. Nơi mở T3 khoản: Ngân hàng MB chi nhánh Quảng Ngãi; ngày mở T3 khoản: 28/12/2019.

5. Chủ T3 khoản số 3050112979008: Trần Đình X, sinh ngày 20/5/1994; HKTT: Cư Né, Krông Búk, Đắk Lắk; CMND số 241438638 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 06/6/2012; số điện thoại: 0396.193047. Nơi mở T3 khoản: Phòng giao dịch Sông Hàn, Ngân hàng MB chi nhánh Đà Nẵng; ngày mở T3 khoản: 27/12/2019.

6. Chủ T3 khoản số 2020118885005: Thái Xuân S, sinh ngày 26/9/1993; HKTT: An Bình, Buôn Hồ, Đắk Lắk; CMND số 241394397 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 26/5/2010; số điện thoại: 0823.409091. Nơi mở T3 khoản: Phòng giao dịch Quang Trung, Ngân hàng MB chi nhánh Bắc Sài Gòn; ngày mở T3 khoản: 03/12/2019.

06 T3 khoản này đều thực hiện giao dịch chuyển khoản qua internet banking.

Mở rộng điều tra, ngày 19/5/2020 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Ngãi có Công văn số 257/CSHS(Đ4) đề nghị Ngân hàng nhà nước chi nhánh Quảng Ngãi chỉ đạo các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh rà soát các trường hợp khách hàng nghi vấn đến mở T3 khoản ngân hàng từ CMND giả vào ngày 28/12/2019.

- Ngân hàng Eximbank, Ngân hàng MB chi nhánh Quảng Ngãi cung cấp 08 hồ sơ mở T3 khoản của khách hàng nghi vấn sử dụng CMND giả để đăng ký, gồm:

Tài khoản số 160110301000433 mang tên Bùi Thanh V; Ngân hàng Eximbank.

Tài khoản số 160110301000431 mang tên Ngô Văn V; Ngân hàng Eximbank.

Tài khoản số 160110301000434 mang tên Lê Đào Vĩnh N; Ngân hàng Eximbank.

Tài khoản số 6520108733007 mang tên Bùi Thanh V; Ngân hàng MB.

Tài khoản số 6520108731007 mang tên Ngô Văn V; Ngân hàng MB.

Tài khoản số 6510133044008 mang tên Bùi Anh D; Ngân hàng MB.

Tài khoản số 6510133043004 mang tên Phan Văn H; Ngân hàng MB.

Tài khoản số 6520108732003 mang tên Nguyễn Văn R; Ngân hàng MB.

- Kiểm tra 08 T3 khoản ngân hàng nêu trên, xác định:

1. Chủ T3 khoản số 6520108733007, số 160110301000433: Bùi Thanh V, sinh ngày 10/01/1994; HKTT: Tổ 5, Khánh Thành Nam, Suối Cát, Cam Lâm, Khánh Hòa; CMND số 225752640 do Công an tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 23/3/2013; số điện thoại: 0394.768401; 0394.737425. Nơi mở T3 khoản: Ngân hàng MB Quảng Ngãi và Ngân hàng Eximbank Quảng Ngãi; ngày mở T3 khoản: 28/12/2019.

2. Chủ T3 khoản số 6520108731007, số 160110301000431: Ngô Văn V, sinh tháng 02/1993; HKTT: Quảng Điền, Krông Ana, Đắk Lắk; CMND số 241418309 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 13/8/2010; số điện thoại: 0394.745875; 0396.648947. Nơi mở T3 khoản: Ngân hàng MB Quảng Ngãi và Ngân hàng Eximbank Quảng Ngãi; ngày mở T3 khoản: 28/12/2019.

3. Chủ T3 khoản số 160110301000434: Lê Đào Vĩnh N, sinh năm 1989; HKTT: Bình Hòa, Bình Thuận, Buôn Hồ, Đắk Lắk; CMND số 241115155 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 27/8/2014; số điện thoại: 0394.761853. Nơi mở T3 khoản: Ngân hàng Eximbank Quảng Ngãi; ngày mở T3 khoản: 28/12/2019.

4. Chủ T3 khoản số 6510133044008: Bùi Anh D, sinh ngày 25/5/1991; HKTT: Tân An, Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk; CMND số 241323451 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 26/02/2009; số điện thoại: 0394.742864. Nơi mở T3 khoản: Ngân hàng MB Quảng Ngãi; ngày mở T3 khoản: 28/12/2019.

5. Chủ T3 khoản số 6510133043004: Phan Văn H, sinh ngày 29/10/1993; HKTT: Cư Êbur, Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk; CMND số 241318558 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 08/3/2010; số điện thoại: 0394.767940. Nơi mở T3 khoản: Ngân hàng MB Quảng Ngãi; ngày mở T3 khoản: 28/12/2019.

6. Chủ T3 khoản số 6520108732003: Nguyễn Văn R, sinh ngày 22/4/1992; HKTT: Đạt Hiếu, Buôn Hồ, Đắk Lắk; CMND số 241259451 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 18/4/2014; số điện thoại: 0394.746715. Nơi mở T3 khoản: Ngân hàng MB Quảng Ngãi; ngày mở T3 khoản: 28/12/2019.

Qua điều tra xác định, tại Đà Nẵng Nguyễn Văn R đã dùng CMND giả mang tên Bùi Sĩ H mở 03 T3 khoản, gồm các T3 khoản số: 18454251991 (tại ngân hàng SCB chi nhánh Sông Hàn - Đà Nẵng), T3 khoản số 161110301000247 (tại Phòng giao dịch Điện Biên Phủ, Ngân hàng Eximbank chi nhánh Hùng Vương - Đà Nẵng) và T3 khoản số 3060106083006 (tại Phòng giao dịch Sơn Trà, Ngân hàng Quân đội chi nhánh Nam Đà Nẵng) vào ngày 26/12/2019:

Kết quả nhận dạng chữ viết và ảnh trên CMND tại các hồ sơ mở T3 khoản:

Cơ quan CSĐT đã cho T1, Q, Rô, T3 xem hồ sơ mở T3 khoản của 22 T3 khoản ngân hàng có liên quan trong đơn của bà Phạm Thị Thu T và liên quan đến hành vi sử dụng CMND giả để mở T3 khoản. Kết quả: T1, Q, Rô, T3 đã tự nhận ra và xác nhận: Chữ viết và ảnh trên CMND tại hồ sơ mở T3 khoản là của mình, cụ thể:

- Nguyễn Tấn T trực tiếp sử dụng 07 CMND của người khác để mở 09 T3 khoản số: 103870393710 (Lê Quang V), 1000110567007 (Nguyễn Xuân S), 18051880001 (Nguyễn Trần L), 18453821995 (Nguyễn H), 3060106084002 (Nguyễn H), 3050112979008 (Trần Đình X), 6510133043004 (Phan Văn H), 6520108733007 (Bùi Thanh V), 160110301000433 (Bùi Thanh V);

- Nguyễn Văn R trực tiếp sử dụng 03 CMND của người khác để mở 05 T3 khoản số: 18454251991 (Bùi Sĩ H), 161110301000247 (Bùi Sĩ H), 3060106083006 (Bùi Sĩ H), 160110301000434 (Lê Đào Vĩnh N), 6510133044008 (Bùi Anh D) và 01 CMND của mình để mở T3 khoản số 6520108732003 (Nguyễn Văn R);

- Hoàng Minh T trực tiếp sử dụng 03 CMND của người khác để mở 05 T3 khoản số: 3080104134003 (Nguyễn Xuân C), 100210101000964 (Nguyễn Xuân C),

3070119356007 (Phạm Phú H), 160110301000431 (Ngô Văn V), 6520108731007 (Ngô Văn V);

- Lê Ngọc Q trực tiếp sử dụng 02 CMND của người khác để mở 02 T3 khoản số: 18030981998 (Đặng Thanh H), 2020118885005 (Thái Xuân S).

Đối với 19 cá nhân đứng tên trong hồ sơ đăng ký mở T3 khoản nhận tiền, dịch chuyển dòng tiền của bà Phạm Thị Thu T và liên quan đến hành vi sử dụng CMND giả để mở T3 khoản ngân hàng của Nguyễn Tấn T, Lê Ngọc Q, Nguyễn Văn R, Hoàng Minh T; Cơ quan CSĐT tiến hành xác minh, ghi lời khai đối với 19 cá nhân nêu trên, kết quả như sau:

1. Nguyễn Xuân C khai bị mất CMND số 230904468 do Công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 05/7/2008; Cầm không sử dụng CMND này để mở 02 T3 khoản ngân hàng số 3080104134003 và số 100210101000964 mang tên mình tại Ngân hàng MB Đà Nẵng và Ngân hàng Eximbank Đà Nẵng vào ngày 26/12/2019.

2. Nguyễn Trần L khai bị mất CMND số 241370628 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 12/11/2015; Luyện không sử dụng CMND này để mở T3 khoản số 18051880001 mang tên Nguyễn Trần L tại Phòng giao dịch Nguyễn Anh Thủ, Ngân hàng SCB Hóc Môn thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 09/12/2019.

3. Bùi Sĩ H khai bị mất CMND số 241155782 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 02/02/2007; Hiếu không sử dụng CMND này để mở T3 khoản số 18454251991 tại Ngân hàng SCB Sông Hàn Đà Nẵng, T3 khoản số 161110301000247 tại Ngân hàng Eximbank Hùng Vương Đà Nẵng và T3 khoản số 3060106083006 tại Phòng giao dịch Sơn Trà, Ngân hàng Quân đội - chi nhánh Nam Đà Nẵng cùng vào ngày 26/12/2019.

4. Nguyễn H khai bị mất CMND số 197346310 do Công an tỉnh Quảng Trị cấp ngày 24/5/2012; Hoàng không sử dụng CMND này để mở T3 khoản số 18453821995 mang tên Nguyễn H tại Phòng giao dịch Hòa Khê, Ngân hàng SCB Sông Hàn Đà Nẵng vào ngày 26/12/2019.

5. Ngô Văn V khai bị mất CMND số 241418309 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 13/8/2010. Vinh không sử dụng CMND này để mở T3 khoản số 160110301000431 tại Ngân hàng Eximbank Quảng Ngãi và T3 khoản số 6520108731007 tại Phòng giao dịch Trà Khúc thuộc Ngân hàng Quân đội Quảng Ngãi cùng vào ngày 28/12/2019.

6. Phạm Phú H khai bị mất CMND số 241196947 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 18/01/2013 tại xã Pong Drang, huyện Krông Búk; Hội không sử dụng CMND này để mở T3 khoản số 3070119356007 tại Ngân hàng Quân đội chi nhánh Nam Đà Nẵng vào ngày 27/12/2019.

7. Trần Đình X khai bị mất CMND số 241438638 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 06/6/2012, Xuân không sử dụng CMND này để mở T3 khoản số 3050112979008 tại Phòng giao dịch Sông Hàn thuộc Ngân hàng Quân đội chi nhánh Đà Nẵng vào ngày 27/12/2019.

8. Lê Đào Vĩnh N khai làm mất CMND số 241115155 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 27/8/2014, Nhân không sử dụng CMND này để mở T3 khoản số 160110301000434 tại Ngân hàng Eximbank Quảng Ngãi vào ngày 28/12/2019.

9. Thái Xuân S khai bị mất CMND số 241394397 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 26/5/2010. Sang không sử dụng CMND này để mở T3 khoản số 2020118885005 tại Phòng giao dịch Quang Trung thuộc Ngân hàng Quân đội chi nhánh Bắc Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 03/12/2019.

10. Phan Văn H khai bị mất CMND số 241318558 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 08/3/2010, Hiền không sử dụng CMND này để mở T3 khoản số 6510133043004 tại Ngân hàng Quân đội chi nhánh Quảng Ngãi vào ngày 28/12/2019.

11. Đặng Thanh H khai bị mất CMND số 241671971 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 29/6/2013, Hậu không sử dụng CMND này để mở T3 khoản số 18030981998 tại Phòng giao dịch Hoàng Minh Giám, Ngân hàng SCB chi nhánh Gia Định (thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 07/12/2019.

12. Bùi Thanh V khai để quên CMND số 225752640 do Công an tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 23/3/2013 tại một khách sạn ở thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk, Vinh không sử dụng CMND này để mở T3 khoản số 160110301000433 tại Ngân hàng Eximbank chi nhánh Quảng Ngãi và T3 khoản số 6520108733007 tại Phòng Giao dịch Trà Khúc thuộc Ngân hàng Quân đội chi nhánh Quảng Ngãi cùng vào ngày 28/12/2019.

13. Nguyễn Xuân S khai làm mất CMND số 191786969 do Công an tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 22/02/2013, Sáng không sử dụng CMND này để mở T3 khoản số 1000110567007 tại Phòng Giao dịch Tân Hương thuộc Ngân hàng Quân đội chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 23/11/2019.

Đối với các đối tượng:

14. Cao Thành N, sinh ngày 13/5/1990, HKTT: Biển Trên, phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng (CMND số 365802953);

15. Nguyễn Minh N, sinh ngày 01/6/1989, HKTT: Số 01/02 Huỳnh Thiên Lộc, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh (CMND số 024712540);

16. Trần Quốc V, sinh ngày 08/01/1999, HKTT: Yên Lạc, Yên Định, Thanh Hóa (căn cước công dân số 038099008058);

17. Lê Quang V, sinh ngày 08/8/1995, HKTT: Số 102/239 Lê Lợi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng (CMND số 031856533), địa chỉ liên hệ: 7C - Cư xá Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh .

18. Bùi Anh D, sinh ngày 25/5/1991 có hộ khẩu thường trú tại Liên Gia 5, Tổ dân phố 7, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk.

Xác minh những người này đều không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, làm gì, không xác định được nơi cư trú hiện nay.

19. Đối với Lê Trung T: Do thường chơi game tại quán internet “Không gian ảo” ở đường Tân Kỳ Tân Quý thuộc quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh nên Tú, Tú và Thuận (chưa rõ nhân thân) quen biết nhau. Tháng 10/2019, Thuận thuê Tú đi mở T3 khoản ngân hàng để mở T3 khoản game, do không có CMND) nên Tú nói Tú đi mở và được Tú đồng ý. Tú sử dụng CMND của mình, 05 sim điện thoại và 01 máy điện thoại di động hiệu Sony của Tú đưa (sim và máy điện thoại do Thuận đưa cho Tú) để mở 05 T3 khoản ngân hàng mang tên mình tại các ngân hàng SCB, Vietcombank, Vietinbank, Techcombank, Eximbank ở quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, Tú đưa lại 05 sim điện thoại đăng ký internet banking các T3 khoản ngân hàng mở được, máy điện thoại hiệu Sony cho Tú, Tú đưa lại cho Thuận. Thuận trả công cho Tú và Tú mỗi người 5.000.000 đồng.

- Xác minh tại Công an Phường AB, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk; xác định: Không có nhân khẩu tên Lê Anh, sinh năm 1994, đăng ký thường trú tại phường AB, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk.

*** Kết luận giám định tư pháp:**

- Kết luận giám định số 669/KLGD-PC09, ngày 08/9/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận như sau:

Chữ viết trên T3 liệu cần giám định (ký hiệu A1-1), chữ ký (chữ viết) ghi họ tên “Hiêu Bùi Sĩ H” ở mặt trước T3 liệu cần giám định (ký hiệu A1-2); chữ ký (chữ viết) ghi họ tên “Hiêu Bùi Sĩ H” ở mặt trước T3 liệu cần giám định (ký hiệu A2-1, A2-2); chữ viết trên T3 liệu cần giám định (ký hiệu A3-1), chữ ký (chữ viết) ghi họ tên “Lê Đào Vĩnh N” ở mặt trước T3 liệu cần giám định (ký hiệu A3-2); chữ ký (chữ viết) ghi họ tên “Bùi Anh D” ở mặt trước T3 liệu cần giám định (ký hiệu A4); chữ ký và chữ viết ghi họ tên “Nguyễn Văn R” trên T3 liệu cần giám định (ký hiệu từ A5-1 đến A5-4) với chữ viết, chữ ký trên “Bản tường trình” ghi tên Nguyễn Văn R (ký hiệu M) là do cùng một người viết, ký ra.

- Kết luận giám định số 670/KLGD-PC09, ngày 08/9/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận như sau:

1- Chữ viết ở trang 1 (trừ dòng chữ viết ngày “26/12/2019 và mã khách hàng “6271918”); chữ viết “cầm” ở cuối các trang 1,3,5,6; chữ ký “Cầm - Nguyễn Xuân C” dưới mục “Chữ ký 1, Chữ ký 2” ở trang 5 của T3 liệu cần giám định (ký hiệu A1) với chữ viết, chữ ký trên T3 liệu mẫu so sánh (ký hiệu M) là do cùng một người viết, ký ra.

2- Chữ viết ở trang 1 (trừ dòng chữ viết số hợp đồng “100210101000964”); chữ ký “Cầm - Nguyễn Xuân C” dưới mục “Chữ ký 1, Chữ ký 2, Chủ T3 khoản” ở trang 3 của T3 liệu cần giám định (ký hiệu A2) với chữ viết, chữ ký trên T3 liệu mẫu so sánh (ký hiệu M) là do cùng một người viết, ký ra.

3- Chữ viết “Hội” ở cuối các trang 1,2,3,5,7; chữ ký “Hội - Phạm Phú H” dưới mục “Chữ ký 1, Chữ ký 2” ở trang 3 của T3 liệu cần giám định (ký hiệu A3)

với chữ viết, chữ ký trên T3 liệu mẫu so sánh (ký hiệu M) là do cùng một người viết, ký ra.

4- Chữ viết ở trang 1 và chữ ký “Vinh - Ngô Văn V” dưới mục “Chữ ký 1, Chữ ký 2, Chủ T3 khoản” ở trang 3 của T3 liệu cần giám định (ký hiệu A4) với chữ viết, chữ ký trên T3 liệu mẫu so sánh (ký hiệu M) là do cùng một người viết, ký ra.

5- Chữ viết “Vinh” ở cuối các trang 1,2,3,4,5,6,7,8 và chữ ký “Vinh - Ngô Văn V” dưới mục “Chữ ký 1, Chữ ký 2” ở trang 3 của T3 liệu cần giám định (ký hiệu A5) với chữ viết, chữ ký trên T3 liệu mẫu so sánh (ký hiệu M) là do cùng một người viết, ký ra.

(Các chữ viết, chữ ký khác còn lại trên các T3 liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A5) với chữ viết, chữ ký trên T3 liệu mẫu so sánh (ký hiệu M) là không phải do cùng một người viết, ký ra).

- Kết luận giám định số 666/KLGD-PC09, ngày 11/9/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi, kết luận như sau:

1- Các chữ viết có nội dung “Lê Quang V 031856533 17/09/2010 08/08/1995 Việt Nam 0376392745 số 77/161 Cẩm gia viên Ngô Q, Hải phòng” trên T3 liệu cần giám định (mặt trước T3 liệu ký hiệu A1), và các chữ viết có nội dung “Bùi Thanh V... bui Thanh Vinh01011994@gmail.com” trên T3 liệu cần giám định (toàn bộ mặt trước T3 liệu ký hiệu A9) với chữ viết trên T3 liệu mẫu so sánh có đầu đề “Bản trình bày” ghi tên Nguyễn Tấn T (ký hiệu M1, M1-1, M1-2) ghi ngày 21/8/2020 là do cùng một người viết ra.

2- 04 (bốn) chữ ký “Vinh” và chữ viết phía dưới chữ ký ghi họ tên “Lê Quang V” tại cột mục “Chữ ký mẫu...”, “Khách hàng” trên T3 liệu cần giám định (ký hiệu A1, A1-1) với chữ viết trên T3 liệu mẫu so sánh có đầu đề “Bản trình bày” ghi tên Nguyễn Tấn T (ký hiệu M1, M1-1, M1-2) ghi ngày 21/8/2020 là do cùng một người viết ra.

3- 05 (năm) chữ ký “Sang” tại góc dưới bên phải, chữ ký và chữ viết phía dưới chữ ký tại cột “Chữ ký 1”, “Chữ ký 2” mục “Chữ ký của khách hàng...” ghi họ tên “Nguyễn Xuân S” trên T3 liệu cần giám định (ký hiệu A2 đến A2- 4) với chữ viết trên T3 liệu mẫu so sánh có đầu đề “Bản trình bày” ghi tên Nguyễn Tấn T (ký hiệu M1, M1-1, M1-2) ghi ngày 21/8/2020 là do cùng một người viết ra.

4- 03 (ba) chữ ký “Luyện” tại cột “Chữ ký”, “Xác nhận lại chữ ký” mục “Chữ ký mẫu”, “Khách hàng/Chủ T3 khoản” và chữ viết phía dưới chữ ký ghi họ tên “Nguyễn Trần L” trên T3 liệu cần giám định (ký hiệu A3-1, A3-2) với chữ viết trên T3 liệu mẫu so sánh có đầu đề “Bản trình bày” ghi tên Nguyễn Tấn T (ký hiệu M1, M1-1, M1-2) ghi ngày 21/8/2020 là do cùng một người viết ra.

5- 03 (ba) chữ ký “Hoàng” tại cột “Chữ ký”, “Xác nhận lại chữ ký” mục “Chữ ký mẫu”, “Khách hàng/Chủ T3 khoản” và chữ viết phía dưới chữ ký ghi họ tên “Nguyễn H” trên T3 liệu cần giám định (ký hiệu A4-1, A4-2) với chữ viết trên

T3 liệu mẫu so sánh có đầu đề “Bản trình bày” ghi tên Nguyễn Tấn T (ký hiệu M1, M1-1, M1-2) ghi ngày 21/8/2020 là do cùng một người viết ra.

6- 07 (bảy) chữ ký “Hoàng” tại cuối trang, chữ ký và chữ viết phía dưới chữ ký tại cột “Chữ ký 1”, “Chữ ký 2” mục “Chữ ký của khách hàng...” ghi họ tên “Nguyễn H” trên T3 liệu cần giám định (ký hiệu A5 đến A5-3) với chữ viết trên T3 liệu mẫu so sánh có đầu đề “Bản trình bày” ghi tên Nguyễn Tấn T (ký hiệu M1, M1-1, M1-2) ghi ngày 21/8/2020 là do cùng một người viết ra.

7- 02 (hai) chữ ký “Xuan” và chữ viết phía dưới chữ ký tại cột “Chữ ký 1”, “Chữ ký 2” mục “Chữ ký của khách hàng...” ghi họ tên “Trần Đình X” trên T3 liệu cần giám định (ký hiệu A6-1) với chữ viết trên T3 liệu mẫu so sánh có đầu đề “Bản trình bày” ghi tên Nguyễn Tấn T (ký hiệu M1, M1-1, M1- 2) ghi ngày 21/8/2020 là do cùng một người viết ra.

8- 08 (tám) chữ ký “Hiền” tại cuối trang và chữ ký, chữ viết phía dưới chữ ký tại cột “Chữ ký 1”, “Chữ ký 2” mục “Chữ ký của khách hàng...” ghi họ tên “Phan Văn H” trên T3 liệu cần giám định (ký hiệu A7 đến A7-3) với chữ viết trên T3 liệu mẫu so sánh có đầu đề “Bản trình bày” ghi tên Nguyễn Tấn T (ký hiệu M1, M1-1, M1-2) ghi ngày 21/8/2020 là do cùng một người viết ra.

9- 07 (bảy) chữ ký “Vinh” tại cuối trang và chữ ký và chữ viết phía dưới chữ ký tại cột “Chữ ký 1”, “Chữ ký 2” mục “Chữ ký của khách hàng...” ghi họ tên “Bùi Thanh V” trên T3 liệu cần giám định (ký hiệu A8 đến A8-3) với chữ viết trên T3 liệu mẫu so sánh có đầu đề “Bản trình bày” ghi tên Nguyễn Tấn T (ký hiệu M1, M1-1, M1-2) ghi ngày 21/8/2020 là do cùng một người viết ra.

10- 03 (ba) chữ ký “Vinh” và chữ viết phía dưới chữ ký tại cột “Mẫu chữ ký 1”, “Mẫu chữ ký 2” mục “Đăng ký mẫu chữ ký giao dịch”, “Chủ T3 khoản” ghi họ tên “Bùi Thanh V” trên T3 liệu cần giám định (ký hiệu A9-1) với chữ viết trên T3 liệu mẫu so sánh có đầu đề “Bản trình bày” ghi tên Nguyễn Tấn T (ký hiệu M1, M1-1, M1-2) ghi ngày 21/8/2020 là do cùng một người viết ra.

- Kết luận giám định số 690/KLGD-PC09, ngày 14/9/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi, kết luận như sau:

1- Chữ viết, chữ ký “Hậu - Đặng Thanh H” ở cột “Chữ ký”, “Xác nhận chữ ký” tại trang 3 và ở mục “Khách hàng/Chủ T3 khoản” tại trang 5 của T3 liệu cần giám định (ký hiệu A1) với chữ viết trên T3 liệu mẫu so sánh (ký hiệu M) là do cùng một người viết.

2- Chữ viết “Thái Xuân S” dưới mục “Chữ ký 1, Chữ ký 2” tại trang 3 của T3 liệu cần giám định (ký hiệu A2) với chữ viết trên T3 liệu mẫu so sánh (ký hiệu M) là do cùng một người viết.

Chữ ký ở cuối các trang 1,2,4,5,6,7,8 và ở dưới mục “Chữ ký 1, Chữ ký 2” tại trang 3 của T3 liệu cần giám định (ký hiệu A3) khác dạng và không có mẫu chữ ký so sánh tương đồng nên không đủ điều kiện tiến hành giám định.

(Các chữ viết, chữ ký khác còn lại trên các T3 liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2) với chữ viết, chữ ký trên T3 liệu mẫu so sánh (ký hiệu M) là không phải do cùng một người viết, ký ra).

Liên quan đến việc Nguyễn Văn R sử dụng CMND giả mang tên Bùi Sĩ H mở T3 khoản số 3060106083006 tại Phòng giao dịch Sơn Trà - Ngân hàng Quân đội chi nhánh Nam Đà Nẵng vào ngày 26/12/2019: Ngày 21/5/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an có Quyết định trưng cầu giám định số 81/QĐ-CSHS-P8 trưng cầu Viện Khoa học hình sự Bộ Công an (C09) giám định chữ viết trên hồ sơ mở T3 khoản số 3060106083006 mang tên Bùi Sĩ H tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với chữ viết của Nguyễn Văn R tại 02 Bản tự khai đề ngày 01/4/2021 và 02/4/2021.

Ngày 09/6/2021, Viện Khoa học hình sự Bộ Công an có Kết luận giám định số 3958/C09-P5 kết luận: Chữ ký “Hieu”, các chữ “Bùi Sĩ H” tại mục “D. CHỮ KÝ CỦA KHÁCH HÀNG (ĐỒNG THỜI LÀ MẪU CHỮ KÝ GIAO DỊCH T3 KHOẢN)” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết của Nguyễn Văn R trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký, viết ra.

Kết quả xác minh về 02 T3 khoản số 107869965493, 101867784793 đều mang tên Lê Ngọc Q tại Ngân hàng Vietinbank:

+ T3 khoản số 107869965493 do Lê Ngọc Q mở tại Ngân hàng Vietinbank chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 08/5/2019; sử dụng CMND số 241691369 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 04/10/2017 và số điện thoại 0845.450002 để đăng ký mở T3 khoản. Khách hàng không thực hiện giao dịch rút tiền tại quầy mà chỉ thực hiện giao dịch qua internet banking và ATM.

+ T3 khoản số 101867784793 do Lê Ngọc Q mở tại Ngân hàng Vietinbank chi nhánh 4 thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 21/11/2017; sử dụng CMND số 241691369 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 04/10/2017 và số điện thoại 0902.791257 để đăng ký mở T3 khoản. Từ ngày 01/8/2019 đến ngày 14/10/2019, T3 khoản này không phát sinh giao dịch.

Giai đoạn điều tra, Hoàng Minh T tự nguyện giao nộp 5.000.000 đồng, Nguyễn Văn R tự nguyện giao nộp 6.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính từ việc sử dụng CMND giả để mở các T3 khoản ngân hàng cho Đặng Thành T.

* Tại bản cáo trạng số 1883/CT-VKS ngày 12/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố các bị cáo:

- Đặng Thành T về tội "Sử dụng T3 liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự;

- Nguyễn Tấn T về tội "Sử dụng T3 liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm b, đ khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự;

- Lê Ngọc Q, Hoàng Minh T, Nguyễn Văn R về tội "Sử dụng T3 liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử :

- Áp dụng: điểm c khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Thành T từ 06 năm đến 07 năm tù về tội “*Sử dụng T3 liệu giả của cơ quan, tổ chức*”; buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt 54 tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2021/HS-ST ngày 06/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Áp dụng: điểm b, đ khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “*Sử dụng T3 liệu giả của cơ quan, tổ chức*”; buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt 28 tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2021/HS-ST ngày 06/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt các bị cáo Hoàng Minh T, Nguyễn Văn R từ 02 năm đến 03 năm tù về tội “*Sử dụng T3 liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

- Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Ngọc Q từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “*Sử dụng T3 liệu giả của cơ quan, tổ chức*”; buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt 12 tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2021/HS-ST ngày 06/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Về biện pháp tư pháp: Buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính: Bị cáo Đặng Thành T 74.500.000 đồng; Nguyễn Tấn T 17.000.000 đồng; Lê Ngọc Q 7.500.000 đồng; Hoàng Minh T 5.000.000 đồng (đã nộp); Nguyễn Văn R 6.000.000 đồng (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T3 liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[I] Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm Q, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Hoàng Minh T, Nguyễn Văn R; người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trần L, Lê Trung T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290; Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, xét thấy việc vắng mặt của bị cáo, người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan không gây trở ngại cho việc xét xử, đồng thời những người tham gia tố tụng này đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử chấp nhận và quyết định xét xử vắng mặt những người này.

Đối với những người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan khác đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt của những người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan này không gây trở ngại cho việc xét xử, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định xét xử vắng mặt những người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan trên.

[III] Về nội dung:

[1] Xét hành vi của các bị cáo:

Căn cứ lời khai của các bị cáo Hoàng Minh T, Nguyễn Văn R tại Cơ quan điều tra; lời khai của các bị cáo Đặng Thành T, Nguyễn Tấn T, Lê Ngọc Q tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa; căn cứ các T3 liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khi được Chen Feng H là đối tượng người Đài Loan thuê đi mở các T3 khoản ngân hàng có đăng ký internet banking, sẽ được Chen Feng H trả công. Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2019 đến tháng 12/2019, bị cáo Đặng Thành T đã thuê các bị cáo Lê Ngọc Q, Nguyễn Tấn T, Hoàng Minh T, Nguyễn Văn R trực tiếp đi mở T3 khoản ngân hàng. Các bị cáo mua chứng minh nhân dân của người khác bỏ lại tại các nhà nghỉ, tiệm cầm đồ, sau đó bóc ảnh trên chứng minh nhân dân ra, thay ảnh của các bị cáo vào, rồi dùng đồng xu hơi nóng ấn vào góc ảnh, sau đó đem đi ép dẻo. Các bị cáo dùng chứng minh nhân dân đã được thay ảnh và sim khuyến mãi đến các ngân hàng để mở T3 khoản có đăng ký internet banking. Với thủ đoạn nêu trên, các bị cáo đã mở được 47 T3 khoản tại các ngân hàng Vietinbank, Eximbank, SCB, MB trên địa bàn thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Ngãi.

[2] Xét hành vi của từng bị cáo:

[2.1] Đối với bị cáo Đặng Thành T: Bị cáo là người được Chen Feng H thuê mở T3 khoản ngân hàng và trực tiếp nhận tiền của Chen Feng H, sau đó bị cáo thuê lại các bị cáo khác trực tiếp đi mở T3 khoản ngân hàng; chi trả toàn bộ chi phí, tiền công và hướng dẫn các bị cáo khác cách làm giả chứng minh nhân dân để sử dụng đăng ký T3 khoản ngân hàng. Trong vụ án này, bị cáo là người chủ mưu, chỉ huy việc phạm tội. Bị cáo hưởng lợi số tiền 74.500.000 đồng.

[3.2] Đối với bị cáo Nguyễn Tấn T: Khi được T thuê đi mở T3 khoản ngân hàng, bị cáo trực tiếp sử dụng 07 chứng minh nhân dân giả (Tên Lê Quang V, Nguyễn H, Nguyễn Trần L, Nguyễn Xuân S, Bùi Thanh V, Trần Đình X, Phan Văn H) mở 09 T3 khoản tại các ngân hàng Vietinbank, Eximbank, SCB, MB. Bị cáo hưởng lợi số tiền 17.000.000 đồng. Trong vụ án này, bị cáo là thực hành tích cực.

[3.3] Đối với các bị cáo Hoàng Minh T, Nguyễn Văn R, Lê Ngọc Q: Trong vụ án này, các bị cáo là người thực hành, trực tiếp sử dụng chứng minh nhân dân giả đi mở T3 khoản ngân hàng, cụ thể: Bị cáo Hoàng Minh T sử dụng 03 chứng minh nhân dân giả (Tên Nguyễn Xuân C, Phạm Phú H, Ngô Văn V) mở 05 T3 khoản, hưởng lợi số tiền 5.000.000 đồng; Bị cáo Nguyễn Văn R sử dụng 03 chứng minh nhân dân giả (Tên Bùi Sĩ H, Lê Đào Vĩnh N, Bùi Anh D) mở 05 T3 khoản,

hưởng lợi số tiền 6.000.000 đồng; Bị cáo Lê Ngọc Q sử dụng 02 chứng minh nhân dân giả (Tên Thái Xuân S, Đặng Thanh H) mở 02 T3 khoản, hưởng lợi số tiền 7.500.000 đồng.

[4] Trong vụ án này, các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc dùng chứng minh nhân dân giả để mở các T3 khoản ngân hàng là trái pháp luật, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài, các bị cáo vẫn thực hiện. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố các bị cáo Đặng Thành T, Nguyễn Tấn T, Lê Ngọc Q, Hoàng Minh T, Nguyễn Văn R về tội “*Sử dụng T3 liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Trong đó, bị cáo Đặng Thành T bị truy tố theo điểm c khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự (Thu lợi bất chính 50.000.000 đồng trở lên); bị cáo Nguyễn Tấn T bị truy tố theo điểm b, đ khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự (Phạm tội 02 lần trở lên; thu lợi bất chính từ 10.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng); các bị cáo Hoàng Minh T, Nguyễn Văn R, Lê Ngọc Q bị truy tố theo điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự (Phạm tội 02 lần trở lên) là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

[5.1] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo. Đối với bị cáo Nguyễn Văn R, sau khi phạm tội đã đến Cơ quan điều tra đầu thú, bị cáo đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính 6.000.000 đồng. Đối với bị cáo Hoàng Minh T, bị cáo đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính 5.000.000 đồng và từng phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Vì vậy, cần áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo Nguyễn Văn R, Hoàng Minh T.

[5.2] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Đặng Thành T: Bị cáo có 01 tiền án, ngày 30/8/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị cáo chưa chấp hành án, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, ngày 06/01/2021 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội “Sử dụng T3 liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Do đó, cần xem xét áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Đối với các bị cáo Nguyễn Tấn T, Lê Ngọc Q, các bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 06/01/2021 các bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử về tội “Sử dụng T3 liệu giả của cơ quan, tổ chức”, xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T 28 tháng tù, bị cáo Lê Ngọc Q 12 tháng tù. Do đó cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò và nhân thân của các bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn R: Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 11/3/2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Bị cáo không biết lấy đó làm bài học cho bản thân, tu dưỡng, rèn luyện

trở thành công dân tốt mà tiếp tục phạm tội, nên cần xem xét xử phạt bị cáo với mức án tương xứng.

[6] Về áp dụng biện pháp tư pháp: Buộc các bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính từ việc sử dụng chứng minh nhân dân giả để mở T3 khoản ngân hàng, gồm: Bị cáo Đặng Thành T nộp lại số tiền 74.500.000 đồng; bị cáo Nguyễn Tấn T nộp lại số tiền 17.000.000 đồng; bị cáo Lê Ngọc Q nộp lại số tiền 7.500.000 đồng; bị cáo Hoàng Minh T nộp lại số tiền 5.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn R nộp lại số tiền 6.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra, các bị cáo Hoàng Minh T, Nguyễn Văn R đã nộp lại đủ số tiền thu lợi bất chính nêu trên cho Cơ quan điều tra.

[7] Đối với 19 người đứng tên trong hồ sơ đăng ký mở T3 khoản liên quan đến hành vi sử dụng chứng minh nhân dân giả để mở T3 khoản ngân hàng của các bị cáo. Trong quá trình điều tra, những người này đều khai không biết các bị cáo; họ đã làm mất chứng minh nhân dân và không sử dụng chứng minh nhân dân này để mở các T3 khoản ngân hàng. Do đó, không xem xét trách nhiệm của những người này là có căn cứ.

[8] Đối với Lê Công T: Thái sử dụng 02 chứng minh nhân dân giả (Tên Trần Duy Nam và Hà Quốc D) mở 06 T3 khoản ngân hàng. Hành vi này của Lê Công T đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử tại Bản án số 08/2021/HS-ST ngày 06/01/2021 và xử phạt Thái 24 tháng tù về tội “Sử dụng T3 liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý hành vi của Thái trong vụ án này là có căn cứ.

[9] Đối với các đối tượng tên Kiên, Lê Anh, 02 đối tượng này cùng các bị cáo sử dụng chứng minh nhân dân giả để mở T3 khoản ngân hàng. Tuy nhiên, qua điều tra, xác minh không xác định được nhân thân, lai lịch của 02 đối tượng này. Vì vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau.

[10] Đối với đối tượng Chen Feng H (sinh ngày 08/9/1985; Quốc tịch: Đài Loan; số hộ chiếu: 314564054) và các đối tượng lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà Phạm Thị Thu T. Ngày 17/5/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi đã ra Quyết định tách vụ án hình sự số 01/QĐ-CSHS(Đ4), tách hành vi sử dụng T3 liệu giả của cơ quan tổ chức của các bị cáo Đặng Thành T, Nguyễn Tấn T, Lê Ngọc Q, Hoàng Minh T, Nguyễn Văn R để xử lý trong vụ án này và tách vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt T3 sản” thành vụ án khác điều tra, xử lý sau. Do đó, Trong vụ án này không xem xét, xử lý đối với hành vi của các đối tượng lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà Phạm Thị Thu T là có căn cứ.

[11] Về xử lý vật chứng:

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 11.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi, do các bị cáo Hoàng Minh T, Nguyễn Văn R đã nộp để đảm bảo thi hành án.

(Theo Ủy nhiệm chi lập ngày 12/10/2021 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi).

[12] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị Đặng Thành T, Nguyễn Tấn T, Lê Ngọc Q, Hoàng Minh T, Nguyễn Văn R mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

I. Tuyên bố: Các bị cáo Đặng Thành T, Nguyễn Tấn T, Lê Ngọc Q, Hoàng Minh T, Nguyễn Văn R phạm tội ***“Sử dụng T3 liệu giả của cơ quan, tổ chức”***.

1. Áp dụng: Điểm c khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Đặng Thành T 06 (Sáu)** năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt **18** tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 656/2019/HS-PT ngày 30/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; **36** tháng tù về tội “Sử dụng T3 liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo Bản án số 08/2021/HS-ST ngày 06/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 03 bản án là **10 năm 06 tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/5/2020, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20/12/2018 đến ngày 28/12/2018 (Của bản án số 656/2019/HS-PT ngày 30/8/2019).

2. Áp dụng: Điểm b, đ khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Tấn T 04 (Bốn)** năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt 28 tháng tù về tội “Sử dụng T3 liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo Bản án số 08/2021/HS-ST ngày 06/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là **06 năm 04 tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/5/2020.

3. Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Ngọc Q 03 (Ba)** năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt 12 tháng tù về tội “Sử dụng T3 liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo Bản án số 08/2021/HS-ST ngày 06/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là **04 năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/5/2020.

4. Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn R 02 (Hai)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/9/2020 đến ngày 19/02/2021.

5. Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Hoàng Minh T 02 (Hai)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 17/9/2020 đến ngày 13/02/2021.

II. Về áp dụng biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự.

- Buộc bị cáo Đặng Thành T phải nộp số tiền 74.500.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Tấn T phải nộp số tiền 17.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Lê Ngọc Q phải nộp số tiền 7.500.000 đồng.

III. Về phần xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 11.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi, do các bị cáo Hoàng Minh T, Nguyễn Văn R đã nộp để đảm bảo thi hành án.

(Theo Ủy nhiệm chi lập ngày 12/10/2021 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi).

IV. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các bị cáo Đặng Thành T, Nguyễn Tấn T, Lê Ngọc Q, Hoàng Minh T, Nguyễn Văn R mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

V. Về Q kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo; người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng PC02 Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Những người TGT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Trần Thị Bé